

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG MẦM NON 21

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG MẦM NON 21

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Phạm Thị Kim Dung	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Tổ trưởng chuyên môn khối 5-6 tuổi	Thư ký hội đồng	
4	Phan Thùy Kim Hạnh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Đào Thị Thanh Nhân	Nhân viên y tế	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Thị Thao	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổ trưởng chuyên môn khối 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Đắc Trà Mi	Tổ trưởng chuyên môn khối 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Phan Thị Mộng Quỳnh	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Tiêu chí 1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	12
Tiêu chí 2: Hội đồng trường	14
Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	16
Tiêu chí 4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	18
Tiêu chí 5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	21
Tiêu chí 6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	22
Tiêu chí 7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	24
Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục	26
Tiêu chí 9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	29
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	32
Tiêu chí 1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	33
Tiêu chí 2: Đối với giáo viên	35
Tiêu chí 3: Đối với nhân viên	37

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	40
Tiêu chí 1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	41
Tiêu chí 2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	43
Tiêu chí 3: Khối phòng hành chính quản trị	46
Tiêu chí 4: Khối phòng tổ chức ăn	48
Tiêu chí 5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	50
Tiêu chí 6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	52
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	55
Tiêu chí 1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	55
Tiêu chí 2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	57
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	60
Tiêu chí 1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	60
Tiêu chí 2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	63
Tiêu chí 3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	65
Tiêu chí 4: Kết quả giáo dục	68
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	70
Phần IV. PHỤ LỤC	72

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x		x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9	x			
Tiêu chí 1.10		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3	x			
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2	x			
Tiêu chí 3.3	x			
Tiêu chí 3.4		x	x	

Tiêu chí 3.5	x			
Tiêu chí 3.6		x		
<i>Tiêu chuẩn 4</i>		x		
Tiêu chí 4.1			x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x		x

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non 21.

Tên trước đây (nếu có): Trường Mầm non 21.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh-Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tỉnh / thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Mỹ Thanh
Huyện / quận	Bình Thạnh	Điện thoại	028.38996031 028.35144031
Xã / phường / thị trấn	21	Fax	0
Đạt chuẩn quốc gia	0	Website	mn21binhthanh.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1994	Số điểm trường	01 điểm chính và 01 điểm lẻ
Công lập	X	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0
Tư thực	0	Trường liên kết với nước ngoài	0
Dân lập	0	Loại hình khác	0

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0

Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	01	01	01
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	02	02	02	02	02
Cộng	09	09	08	08	08

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	09	09	08	08	08
1	Phòng học kiên cố	09	09	09	09	08
2	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng học tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Khối phòng hành chính quản trị	01	01	01	01	01

1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
IV	Khối phòng tổ chức ăn	0	0	0	0	0
	Các phòng khác (nếu có)	2	2	2	2	2
	Cộng	13	13	13	13	12

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 01 năm 2021

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh			01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	Kinh			02	
Giáo viên	13	13	Kinh		03	10	
Nhân viên	05	04	Kinh	04	01	0	
Cộng	21	20		04	04	13	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Tổng số giáo viên	13	15	15	16	13

Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	11 trẻ/giáo viên	10 trẻ/giáo viên	10 trẻ/giáo viên	8 trẻ/giáo viên	33/3= 11%
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	00
Tỷ lệ trẻ/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ bán trú)	23 trẻ/giáo viên	18 trẻ/giáo viên	18 trẻ/giáo viên	9 trẻ/giáo viên	12 trẻ/giáo viên
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	01	01	02	02	02
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và tương đương trở lên	0	0	0	0	0

4. Trẻ

	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Tổng số	251	233	154	145	151
Trong đó:					
- Trẻ từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	00
- Trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	19	13	10	11	11
- Trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	26	27	21	13	22
- Trẻ từ 3-4 tuổi	67	50	33	37	31
- Trẻ từ 4-5 tuổi	84	55	43	46	39
- Trẻ từ 5-6 tuổi	55	79	47	38	48
Nữ	114	110	81	71	65

Dân tộc	Kinh	Kinh	Kinh	Kinh	04 (2 chăm; 2 Khơ Me)
Đối tượng chính sách	2	6	2	2	02
Khuyết tật	0	0	0	0	00
Tuyển mới	70	70	60	50	66
Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	00
Bán trú	240	233	154	145	151
Tỷ lệ trẻ/lớp	25 trẻ/lớp	32 trẻ/lớp	21 trẻ/lớp	21 trẻ/lớp	118/6 = 19,7%
Tỷ lệ trẻ/nhóm	36 trẻ/nhóm	20 trẻ/nhóm	16 trẻ/nhóm	12 trẻ/nhóm	33/2 = 16,5%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của trường:

Trường Mầm non 21 tọa lạc trên địa bàn phường 21 quận Bình Thạnh. Trường được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 1994 do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh cấp. Trường có hai điểm học: 119/15 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh, và 220/9R Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 21, quận Bình Thạnh.

Trong những năm trường Mầm non 21 đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục trẻ; tạo được sự uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân tại địa bàn. Trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Với những nỗ lực của tập thể, liên tục trong nhiều năm liền nhà trường đã được công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

Năm học 2019-2020, trường có 13 giáo viên được phân công trực tiếp làm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn trong đó có 13/13 trên chuẩn đạt 100%. Tổng số học sinh tính đến tháng 8 năm 2020: 151 trẻ chia thành 08 nhóm lớp từ 19-24 tháng đến 5-6 tuổi. Chi bộ độc lập tại trường gồm 9 đảng viên, đạt danh hiệu “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” liên tục nhiều năm, giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện Cha mẹ học sinh đều hoạt động tích cực, phối hợp cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Với sự phát triển của xã hội trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi mỗi cơ sở giáo dục phải xác định cụ thể các tiêu chí phấn đấu, nhằm đảm bảo yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục. Trường Mầm non 21 tự xem xét, kiểm tra, dựa trên nguyên tắc độc lập, khách quan và đánh giá trung thực, công khai, minh bạch nhằm

xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ, thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC 1, MỨC 2, MỨC 3

Điều 7. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non và quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng và nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc; các đoàn thể luôn chủ động và hoạt động đạt hiệu quả. Trường Mầm non 21 thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

1.1.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường xây dựng chiến lược lâu dài, có định hướng và các kế hoạch cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị qua từng giai đoạn để xây dựng và phát triển

nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục. Tuy nhiên, chất lượng chuyên môn và các hoạt động giáo dục của giáo viên có đánh giá theo từng học kỳ, từng năm học nhưng chưa có những giải pháp cụ thể để định hướng giúp đỡ về mặt lâu dài cho đội ngũ [H1-1-01-01].

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt [H1-1-01-01].

Phương hướng chiến lược Trường mầm non 21 được triển khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và được công khai trong bảng tuyên truyền nhà trường [H1-1-01-02]; [H1-1-01-03].

Mức 2

Công tác kiểm tra đánh giá và thúc đẩy về mọi mặt được nhà trường đánh giá kịp thời, khách quan và đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo từng năm học [H1-1-01-03].

Mức 3

Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh. Trong từng năm học các thành viên trong Hội đồng nhà trường thường xuyên rà soát, bổ sung và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển từ đó đề ra các giải pháp cụ thể công khai với tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh cùng giám sát và thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đạt hiệu quả, tạo được tin tưởng, đồng thuận của cha mẹ học sinh và các cấp lãnh đạo [H1-1-01-03].

1.1.2. Điểm mạnh:

Phương hướng chiến lược của Trường Mầm non 21 cơ bản đã xác định được những mục tiêu cụ thể, các biện pháp dài hạn mà tập thể sư phạm nhà trường thể hiện rõ tâm tư, nguyện vọng, nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

1.1.3. Điểm yếu:

Kế hoạch dài hạn và kế hoạch phối hợp đôi lúc xây dựng còn bị trùng lặp. Có đánh giá chất lượng chuyên môn và các hoạt động giáo dục của giáo viên nhưng chưa có những giải pháp cụ thể để định hướng giúp đỡ về mặt lâu dài cho đội ngũ.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019-2020 nhà trường tiếp tục thực hiện và phát huy phương hướng, chiến lược phát triển của đơn vị cho đạt hiệu quả. Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Cán bộ, giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cụ thể cho từng cá nhân theo năm học tránh trùng lặp. Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục sâu sát đến từng giáo viên để nắm bắt nguyên nhân, đề xuất các giải pháp cụ thể để định hướng giúp đỡ kịp thời cho đội ngũ.

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2

2. Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

1.2.1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, nhà trường đều ra quyết định thành lập Hội đồng trường; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng khoa học; Hội đồng chấm giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non và có quy chế hoạt động cụ thể, phổ biến đến tất cả các thành viên trong hội đồng [H1-1-02-01] .

Các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số: 04-VBHN-

BGDDT ngày 24 tháng 12 năm 2015): Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định [H1-1-02-02].

Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các buổi họp của nhà trường [H1-1-02-03]. Tuy nhiên, Hội đồng thi đua khen thưởng chưa đánh giá khen thưởng kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động của trường.

Mức 2

Hoạt động của các hội đồng đạt hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị thông qua các buổi họp chuyên môn, họp hội đồng sư phạm [H1-1-02-02]; [H1-1-02-03].

1.2.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các hội đồng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

1.2.3. Điểm yếu:

Hội đồng thi đua khen thưởng chưa đánh giá kịp thời những cá nhân có thành tích nổi bật trong các hoạt động.

1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 9 năm học 2020 - 2021, nhà trường tiếp tục thành lập các hội đồng và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các thành viên trong hội đồng chăm chỉ tay nghề tham mưu, đề xuất kịp thời với Hiệu trưởng để có chế độ khen thưởng kịp thời với giáo viên, nhân viên có thành tích nổi bật trong các hoạt động và trong công tác giảng dạy.

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

3. Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1.3.1. Mô tả hiện trạng:

Chi bộ trường Mầm non 21 thuộc Đảng bộ phường 21 quận Bình Thạnh, có 9 đảng viên, thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Chi bộ [H1-1-03-01]. Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể chính trị: Công đoàn có 25 đoàn viên [H1-1-03-02]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 11 đoàn viên [H1-1-03-03].

Công đoàn cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước đến toàn thể cán bộ đoàn viên thông qua các buổi họp Hội đồng nhà trường hàng tháng [H1-1-03-02]. Làm tốt chức năng, nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi chính đáng của đoàn viên, tham gia hiệu quả vào công tác quản lý trong nhà trường theo đúng điều lệ Công đoàn Việt Nam đã quy định nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, Công đoàn cơ sở chưa tham gia nhiều các

phong trào do Liên đoàn lao động phát động.

Các hoạt động của Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn hằng năm được rà soát, đánh giá. Thực hiện công tác kiểm tra Đảng; kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; kiểm tra việc triển khai thực hiện quy chế phối hợp giữa công đoàn và chính quyền đồng cấp và chương trình hoạt động của công đoàn. Thực hiện tốt công tác kiểm tra theo kế hoạch đề ra trong năm [H1-1-03-01]; [H1-1-03-02]; [H1-1-03-03].

Mức 2

Chi bộ lãnh đạo các hoạt động của nhà trường nề nếp, hiệu quả. Từ năm 2013 đến năm 2020 chi bộ đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1-03-01].

Công đoàn cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước đến toàn thể cán bộ đoàn viên thông qua các buổi họp Hội đồng nhà trường hằng tháng, các buổi họp sinh hoạt tổ công đoàn, đạt “Công đoàn vững mạnh xuất sắc” nhiều năm liền. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiều năm liền đạt Chi đoàn vững mạnh [H1-1-03-02]; [H1-1-03-03].

Mức 3

Từ năm 2013 đến năm 2017, chi bộ đạt trong sạch vững mạnh 5 năm liên tục, năm 2020 chi bộ đạt chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1-03-01].

Công đoàn, chi đoàn hoạt động rất tích cực, thúc đẩy phong trào của nhà trường đi lên, nhiều năm liền công đoàn và chi đoàn đạt nhiều thành tích trong phong trào thi đua yêu nước và các phong trào khác do liên đoàn lao động phát động [H1-1-03-02]; [H1-1-03-03].

1.3.2. Điểm mạnh:

Các đoàn thể trong nhà trường hoạt động đều tay. Số lượng đảng viên chi bộ là 09 người, là lực lượng nòng cốt trong mọi hoạt động.

1.3.3. Điểm yếu:

Công đoàn cơ sở trường mầm non 21 hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ từ 19 tháng tuổi đến 5 tuổi, nên ảnh hưởng rất nhiều đến việc tham gia các phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục đảm bảo các yêu cầu về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công đoàn cơ sở theo quy định của pháp luật. Cán bộ quản lý tạo điều kiện cho công đoàn cơ sở tham gia một số phong trào thi đua do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động.

1.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3

4. Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1.4.1. Mô tả hiện trạng:

Trường Mầm non 21 có 01 hiệu trưởng [H1-1-04-01], 02 phó hiệu trưởng [H1-1-04-02]; [H1-1-04-03].

Nhằm thể chế hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên đạt hiệu quả, trường đã thành lập 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Thành viên tổ chuyên môn là giáo viên trực tiếp giảng dạy; tổ cấp dưỡng là đội ngũ nấu ăn; tổ văn phòng gồm cán bộ quản lý và nhân viên [H1-1-04-04].

Các tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, ngày nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Hằng tháng, tổ chuyên môn họp định kỳ 02 lần/tháng. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ [H1-1-04-05]; [H1-1-04-06]. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1-04-07]; Các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá, xếp loại hằng năm [H1-1-04-08]. Tổ văn phòng giúp Hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1-04-06]; [H1-1-04-09]. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của các tổ chuyên môn cần đa dạng, phong phú hơn.

Mức 2

Hằng năm, dựa vào các chuyên đề trọng tâm của Phòng giáo dục, nhà trường triển khai cho các tổ trưởng, các tổ thực hiện thao giảng chuyên đề theo sự phân công của cán bộ quản lý và áp dụng đại trà ở tất cả các lớp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục [H1-1-04-05].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng họp định kỳ 02 lần 01 tháng để kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục. Tuy nhiên tổ văn phòng nội dung họp chưa cụ thể và chưa xoay vào trọng tâm.

Mức 3:

Qua các buổi họp của tổ chuyên môn và tổ văn phòng, các thành viên trong tổ đưa ra các biện pháp trong việc thực hiện công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tuy nhiên, các tổ chưa đưa ra các ý kiến đề xuất trong buổi họp nhằm đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1-04-05].

Các thành viên trong tổ chuyên môn có đầu tư tiết học và hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1-04-10].

1.4.2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của nhà trường đảm bảo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Các thành viên trong Hội đồng hoạt động tích cực, chủ động, có hiệu quả. Các tổ chuyên môn, văn phòng và các tổ chức chính trị nhà trường đầy đủ, hoạt động đúng chức năng.

1.4.3. Điểm yếu:

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ chưa đa dạng, phong phú.

Tổ văn phòng nội dung họp chưa cụ thể và chưa xoáy vào trọng tâm

1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tháng 9 năm 2020 -2021 Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, tiếp tục duy trì việc xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, ngày; tổ chức sinh hoạt theo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

1.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

5. Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại

Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1.5.1. Mô tả hiện trạng:

Tính đến tháng 8/2020 số trẻ toàn trường là 145 trong đó có 24 trẻ nhà trẻ được chia vào 02 nhóm trẻ và 121 trẻ mẫu giáo được chia vào 06 lớp mẫu giáo [H1-1-05-01]. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Điều lệ trường mầm non, nhà trường tổ chức 02 nhóm nhà trẻ và 06 lớp mẫu giáo [H1.1.02.02].

100% trẻ em được học bán trú tại trường [H1-1-02-04].

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật thông qua tài liệu tham khảo [H1-1-02-03]. Tuy nhiên việc triển khai và bồi dưỡng cho giáo viên kiến thức về trẻ khuyết tật chưa sâu rộng.

Mức 2

Cụ thể hiện nay toàn trường có tổng số 145 trẻ/08 nhóm lớp. Nhà trường thực hiện phân chia trẻ theo độ tuổi như sau:

01 nhóm 19 - 24 tháng gồm 11 trẻ

01 nhóm 25 - 36 tháng gồm 13 trẻ

02 lớp 3 - 4 tuổi gồm 37 trẻ

02 lớp 4 - 5 tuổi gồm 46 trẻ

02 lớp 5 - 6 tuổi gồm 38 trẻ

Mức 3

Nhà trường có 08 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, không vượt quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H1-1-05-01].

1.5.2. Điểm mạnh:

Trẻ được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học bán trú tại trường.

1.5.3. Điểm yếu:

Việc triển khai và bồi dưỡng cho giáo viên kiến thức về trẻ khuyết tật chưa sâu rộng.

1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021, Cán bộ quản lý khi tổ chức họp chuyên môn có triển khai cho giáo viên về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật cần viết biên bản cho đầy đủ các nội dung.

1.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1.6.1. Mô tả hiện trạng:

Tất cả hồ sơ, chứng từ tài sản, tài chính được quản lý, lưu trữ đầy đủ bằng văn bản tại trường theo Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức [H1-1-06-01].

Hàng năm, nhà trường có thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định; Hàng tháng có công khai và tự kiểm tra tài chính [H1-1-06-02]; Kiểm tra tài sản theo học kỳ [H1-1-04-06]. Thực hiện thường xuyên và bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1-06-03].

Vào đầu năm học nhà trường quản lý, sử dụng hiệu quả tài chính, tài sản đảm bảo đúng mục đích để phục vụ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1-04-06]; [H1-1-06-02]. Tuy nhiên đôi khi sổ kiểm kê tài sản của nhóm, lớp cần ghi rõ tình trạng của tài sản ở mức độ nào cụ thể.

Mức 2

Cán bộ quản lý có ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: công thông tin điện tử, phần mềm IMAS, SSC, EPMIS, phần mềm Sở nội vụ [H1-1-06-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định của tài chính [H1-1-06-05].

Mức 3

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1.6.2. Điểm mạnh:

Nhà trường quản lý tốt hành chính, tài chính, tài sản theo quy định.

1.6.3. Điểm yếu:

Sổ tài sản của nhóm, lớp còn ghi chung chung.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, Hiệu trưởng phân công kế toán sắp xếp hồ sơ cho phù hợp với từng loại chứng từ thuận tiện cho việc sử dụng và kiểm tra. Chỉ đạo Phó hiệu trưởng kiểm tra sổ tài sản châu các lớp và bổ sung nội dung cho rõ ràng, chi tiết.

1.6.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

7. Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1.7.1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, Hiệu trưởng tạo điều kiện để giáo viên, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức

[H1-1-07-01]. Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1-07-02]. Việc học bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên chưa đi vào chiều sâu [H1-1-07-03].

Đầu năm học, Hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo trình độ chuyên môn, năng lực từng cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả công việc trong các hoạt động được quy định tại Điều 36 Điều lệ trường mầm non [H1-1-04-04].

Giáo viên, nhân viên luôn được tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, các chính sách theo quy định như: chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tham quan học tập, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ [H1-1-07-04]; Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch khen thưởng giáo viên đạt lao động tiên tiến và được quan tâm chăm lo trong các ngày Lễ Tết, tham quan hè [H1-1-07-05]; [H1-1-07-06].

Mức 2

Hằng năm, thông qua dự giờ thực tế cán bộ quản lý có các biện pháp bồi dưỡng cụ thể để phát huy năng lực của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1-07-07]; [H1-1-07-08].

1.7.2. Điểm mạnh:

Trường đã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phân công sử dụng hợp lý, đảm bảo các quyền theo quy định.

1.7.3. Điểm yếu:

Việc học bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên chưa đi vào chiều sâu.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, Ban giám hiệu sẽ kiểm tra việc học bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên, đồng thời hướng dẫn cụ thể nội dung học bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch đề ra.

1.7.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

8. Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1.8.1. Mô tả hiện trạng:

Trên cơ sở xác định nhiệm vụ riêng của từng năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của trường theo năm, tháng đề ra những biện pháp chỉ đạo việc thực hiện các mặt công tác về chuyên môn [H1-1-02-02]. Hai Phó hiệu trưởng cụ thể hóa kế hoạch năm học theo chức năng nhiệm vụ được giao. Giáo viên có xây dựng kế hoạch giáo dục các khối lớp phù hợp với Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường theo từng độ tuổi [H1-1-08-01].

Giáo viên thực hiện đầy đủ các nội dung theo kế hoạch giáo dục trong việc tổ chức các hoạt động hằng ngày của trẻ đảm bảo các mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên, 06/16 (tỷ lệ 37%) giáo viên khi tổ chức hoạt động học chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ [H1-1-08-01]; [H1-1-08-02].

Kế hoạch giáo dục của giáo viên được rà soát, đánh giá từng tháng đối với mẫu giáo, từng quý đối với nhà trẻ theo từng lĩnh vực và được điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1-08-01].

Mức 2

Nhà trường có các biện pháp cụ thể để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua các buổi họp bồi dưỡng chuyên môn tổ, họp rút kinh nghiệm hằng tháng, qua các tiết dự giờ, thăm lớp, tổ chức các tiết thao giảng chuyên đề. Kế hoạch giáo dục của giáo viên được Phó hiệu trưởng kiểm tra rà soát hằng tháng dựa trên kết quả đánh giá từng tháng đối với mẫu giáo, từng quý đối với nhà trẻ theo từng lĩnh vực từ đó giúp giáo viên điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ [H1-1-02-02].

1.8.2. Điểm mạnh:

Việc xây dựng Chương trình giáo dục mầm non được thực hiện đầy đủ các hoạt động, chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ. Có đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh phù hợp với khả năng của trẻ, có họp rút kinh nghiệm hằng tháng.

1.8.3. Điểm yếu:

06/16 (tỷ lệ 37%) giáo viên khi tổ chức hoạt động học chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ, thời gian còn kéo dài.

1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với từng độ tuổi. Phó hiệu trưởng chuyên môn hướng dẫn, bồi dưỡng, gợi ý các hình thức tổ chức hoạt động cho giáo viên, tạo điều kiện cho giáo viên chưa vững chuyên môn được học tập kinh nghiệm của bạn để khắc phục những hạn chế trong hoạt động dạy trẻ.

1.8.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

9. Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1.9.1. Mô tả hiện trạng:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường khi xây dựng Quy chế dân chủ theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1-09-01]; [H1-1-02-03].

Nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh. Nhà trường có tiếp nhận phản ánh của cha mẹ học sinh trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở [H1-1-09-02].

Mỗi năm học, Ban chỉ đạo duy trì lịch họp mỗi tháng 01 lần để kiểm tra, giám sát các hoạt động thực hiện kế hoạch và các điều chỉnh, bổ sung cho Quy chế, sơ kết đánh giá hoạt động của ban chỉ đạo. Hằng năm, nhà trường có báo cáo tổng kết thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1-09-01].

Mức 2

1.9.2. Điểm mạnh:

Cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao ý thức tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng Quy chế dân chủ. Lập kế hoạch cụ thể có đánh giá sơ kết, tổng kết về việc thực hiện

1.9.3. Điểm yếu:

Nhà trường có tiếp nhận phản ánh của cha mẹ học sinh trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở.

1.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Duy trì nhà trường không có đơn thư tố cáo, nặc danh. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, tập huấn lại chuyên đề "Đạo đức nhà giáo" đến đội ngũ giáo viên, nhắc nhở giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

1.9.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

10. Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1.10.1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, nhà trường phối hợp với Công an phường 21 trong việc xây dựng kế hoạch và phương án đảm bảo an ninh trật tự trong trường học; tổ chức triển khai đến đội ngũ các phương án đảm bảo an toàn trường học. Định kỳ báo cáo đánh giá về công tác đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1-10-01]. Để thực hiện tốt công tác sức khỏe trong trường học, nhà trường đã xây dựng phương án phòng chống tai nạn thương tích [H1-1-10-02], phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường [H1-1-10-03].

Nhà trường có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ trong thời gian làm việc tại trường [H1-1-10-01]. Tuy nhiên, tại cơ sở 2 giờ cao điểm còn vài phụ huynh chưa thực hiện tốt việc đỗ xe đúng qui định.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn tôn trọng lẫn nhau, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1-02-03].

Mức 2

Nhà trường liên hệ các ban ngành tổ chức tập huấn, diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về việc thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tham gia lớp học tập, bồi dưỡng về vệ sinh an toàn thực phẩm do Trung tâm y tế quận Bình Thạnh tổ chức [H1-1-10-04]; [H1-1-10-05].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả[H1-1-10-01].

1.10.2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các phương án đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; phối hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn trường học tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

1.10.3. Điểm yếu:

Tại cơ sở 2 giờ cao điểm còn vài phụ huynh chưa thực hiện tốt việc để xe đúng qui định.

1.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường trang bị cho trẻ những kiến thức cơ bản về an toàn, giáo dục trẻ ý thức tự bảo vệ. Giáo viên bao quát và thường xuyên tham gia các hoạt động cùng trẻ mọi lúc, mọi nơi. Hướng dẫn phụ huynh để xe đúng qui định trong giờ đón và trả trẻ.

1.10.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường đã thực hiện tốt các biện pháp cải tiến công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng về hiệu quả hoạt động chăm sóc, giáo dục và không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh; tổ chức tốt các hoạt động lễ hội với nhiều hình thức và nội dung phong phú.

Trong công tác quản lý tài chính, tài sản nhà trường thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin báo cáo, thực hiện lưu trữ hồ sơ, quản lý tài chính, tài sản theo quy định. .

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường có tiếp nhận phản ánh của cha mẹ học sinh trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 09/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Hiệu trưởng, hai Phó hiệu trưởng có trình độ trên chuẩn, có năng lực về quản lý, chuyên môn; luôn năng động trong tổ chức, điều hành công việc; đoàn kết, thống nhất, phân công, phân nhiệm rõ ràng để cùng phối hợp hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên đạt các yêu cầu về trình độ đào tạo theo quy định của Điều lệ trường Mầm non, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường, của ngành. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức trong công việc, được đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật và được đánh giá xếp loại hằng năm theo đúng quy định.

1. Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên.
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

2.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non liên tục từ năm 1993 đến nay; Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc giáo dục có thời gian công tác liên tục từ năm 1998 đến nay; Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác liên tục từ năm 1993 đến nay. Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đều tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non và đã có chứng chỉ Nghiệp vụ quản lý giáo dục, trình độ Trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H1-1-04-01]; [H1-1-04-02]; [H1-1-04-03].

Cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có lối sống lành mạnh, trung thực; luôn quan tâm, gần gũi, giúp đỡ từng cá nhân trong đơn vị, được tập thể nhà trường cùng phụ huynh, học sinh và nhân dân địa phương tin nhiệm. Hằng năm, đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường được đánh giá theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường Mầm non và được Phòng Giáo dục và Đào Tạo quận Bình Thạnh đánh giá xếp loại từ tốt trở lên [H2-2-01-01].

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường, nắm vững Chương trình giáo dục Mầm non, có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn [H2-2-01-02]; [H2-2-01-03]. Tuy nhiên việc tham gia học tập các lớp bồi dưỡng chuyên môn – nghiệp vụ chưa nhiều.

Mức 2

Trong 05 năm cán bộ quản lý đều đánh giá đạt Chuẩn hiệu trưởng từ mức tốt trở lên theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2-01-01].

Cán bộ quản lý tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2-01-04].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đạt chuẩn ở mức tốt trở lên, trong đó hiệu trưởng đạt chuẩn ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2-1-01].

2.1.2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường đáp ứng các yêu cầu của Điều lệ trường Mầm non về phẩm chất đạo đức, thời gian công tác, trình độ, năng lực nghiệp vụ quản lý để tổ chức triển khai tốt các hoạt động của trường.

2.1.3. Điểm yếu

Việc tham gia học tập các lớp bồi dưỡng chuyên môn – nghiệp vụ chưa nhiều.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2019-2020, cán bộ quản lý tiếp tục tham gia học tập, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao khả năng quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường.

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

2. Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời

điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn.

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

2.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định: 16 giáo viên với tổng số trẻ là 145 trẻ. Trong đó: 04 giáo viên dạy lớp nhà trẻ trên 24 trẻ nhà trẻ bình quân 01 giáo viên 6 trẻ; 12 giáo viên mẫu giáo trên 121 trẻ mẫu giáo bình quân 01 giáo viên 10 trẻ. Trường đã đáp ứng yêu cầu công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định tại Thông tư số 71/2007/TTLT-BGD-ĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn biên chế sự nghiệp trong các cơ sở Giáo dục Mầm non công lập [H1-1-04-04].

Có 16/16 giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn. Trong đó có 16/16 giáo viên trên chuẩn đạt tỷ lệ 100% (Đại học: 08 giáo viên; Cao đẳng: 04 giáo viên, Trung cấp 04 giáo viên); hiện tại có 04 giáo viên đang học Đại học [H2-2-02-01].

Nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ đạt trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong năm học 2019-2020 có 02/16 (tỷ lệ 12,5%) giáo viên được xếp loại xuất sắc, 13/16 (tỷ lệ 8,1%) giáo viên xếp loại khá, không có giáo viên xếp loại trung bình [H1-1-04-07].

Mức 2

16/16 (tỷ lệ 100%) giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo: Cao đẳng sư phạm mầm non: 04 giáo viên và Đại học sư phạm mầm non: 08 giáo viên, Trung cấp 04 giáo viên [H1-1- 4-04]

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được xếp loại từ khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, không có giáo viên xếp loại ở mức không đạt [H1-1- 4-07].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo [H1-1-02-03].

Mức 3

Nhà trường, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo sư phạm mầm non 100% có 02/16 tỷ lệ 12,5% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa đạt ít nhất 30% theo quy định. [H1-1-04-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1-4-07].

2.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định. 16/16 giáo viên, tỷ lệ 100% đạt trình độ chuyên môn trên chuẩn và được đánh giá xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

2.2.3. Điểm yếu

Nhà trường có 02/16 tỷ lệ 12,5% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt chưa đạt ít nhất 30% theo quy định.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phân công đủ số giáo viên/ lớp theo quy định và thực hiện đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hằng năm. Cố gắng duy trì số lượng giáo viên được xếp loại từ khá trở lên, không có giáo viên xếp loại trung bình. Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng giáo viên trong công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ để việc đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt tốt nhiều hơn.

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

3. Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

2.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chưa có đủ số nhân viên theo quy định tại Thông tư số 71/2007/TTLT- BGDDT- BNV ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ gồm: 01 kế toán , 01 bảo vệ, 02 nấu ăn, 01 nhân viên phục vụ [H1-1-04-04].

Đội ngũ nhân viên nhà trường đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể: kế toán có trình độ chuyên môn Đại học kế toán hành chính sự nghiệp; nhân viên nấu ăn có trình độ Sơ cấp nấu ăn; bảo vệ đã qua lớp tập huấn công tác bảo vệ trường học [H1-1-04-04]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhân viên văn thư, nhân viên nấu ăn chưa đạt trình độ trung cấp nấu ăn, thiếu một bảo vệ.

Nhân viên các bộ phận được Hiệu trưởng phân công thực hiện nhiệm vụ theo chức năng quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường Mầm non, theo năng lực cá nhân, trình độ chuyên môn và tình hình thực tế công việc của trường và được hưởng đầy đủ chế độ chính sách theo quy định chung [H2-2-03-01]; [H1-1-04-04].

Mức 2

Nhà trường chưa có đủ số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDDT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non [H1-1- 04-04].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1-02-03].

Mức 3

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên YTTH có trình độ trung cấp Y sĩ và kiêm công tác văn thư; 02/02 nhân viên cấp dưỡng có trình độ sơ cấp nấu ăn. Tuy nhiên, nhân viên nấu ăn chưa có trình độ trung cấp nấu ăn [H1-1.4-04].

Hàng năm, nhà trường có tạo điều kiện, khuyến khích nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm khi có lớp [H1-1.1-04].

2.3.2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ, phối hợp thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công tác.

2.3.3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhân viên văn thư, nhân viên nấu ăn chưa đạt trình độ trung cấp nấu ăn, thiếu 01 bảo vệ.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 nhà trường tiếp tục duy trì bố trí sử dụng các nhân viên theo định biên được giao; tạo mọi điều kiện thuận lợi để từng thành viên phát huy tốt năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ; đăng ký nhân viên cấp dưỡng học lớp Trung cấp nấu ăn, nhà trường tiếp tục tuyển dụng 01 bảo vệ, và tham mưu với cấp trên xét tuyển nhân viên văn thư cho trường.

2.3.5. Tự đánh giá: Không đạt.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Mầm non 21 có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng theo quy định của Điều lệ trường Mầm non; Cán bộ quản lý có ý thức tự học, tự rèn nâng cao trình độ về mọi mặt, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, được cấp trên, giáo viên, nhân viên trong nhà trường và nhân dân tín nhiệm. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục Mầm non. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường được triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa có nhân viên văn thư, nhân viên nấu ăn chưa đạt trình độ trung cấp nấu ăn, thiếu một bảo vệ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 01/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường có tổng diện tích là 797,9m², trong đó diện tích sử dụng cho 09 lớp là 522,5m². Trường được xây dựng kiên cố, xung quanh có tường bao, cổng trường chắc chắn, biển tên trường đẹp.

Có các công trình phục vụ công tác giảng dạy và học tập: có phòng hành chính, phòng chức năng, sân chơi, khu vực vệ sinh. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động quản lý và giáo dục đầy đủ. Bên cạnh đó, nhà trường còn chú trọng đầu tư các thiết bị công nghệ thông tin, đầu tư nâng cấp sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất hằng năm.

1. Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định.

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt

tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập.

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Diện tích đất của nhà trường (2 cơ sở) là 797,9 m² trong đó diện tích sử dụng cho 09 lớp là 522,5m² bình quân cho 01trẻ là 3,02m². Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, bao gồm: 09 phòng học, 02 phòng chức năng (02 phòng giáo dục thể chất ở hai cơ sở), 01 nhà bếp, không có phòng bảo vệ, 02 phòng y tế ở hai cơ sở và 01 phòng làm việc khác [H3-3-01-01].

Trường có khuôn viên riêng biệt, có tường rào bao xung quanh, có cổng trường và biển tên trường đúng quy định tại Chương II, Điều 7 của Điều lệ trường Mầm non [H3-3-01-02].

Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang thẳng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát gạch [H3-3-01-03]. Tuy nhiên, tại cơ sở hai sân chơi không đúng qui định.

Mức 2

Diện tích đất của nhà trường (2 cơ sở) là 797,7 m² trong đó diện tích sử dụng cho 09 lớp là 522,5m² bình quân cho 01trẻ là 3,02m². Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố[H3-3-01-01].

Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được nhân viên chăm sóc, cắt tỉa[H3-3-01-02].

Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14/9/2012, Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang thẳng bằng. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, tuy nhiên tại cơ sở hai sân chơi chưa đúng quy định. [H3-3-01-03].

Mức 3

Nhà trường có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế. [H1-1.1-04]; [H1-1-04-06].

3.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có các công trình xây dựng kiên cố, có biển tên trường, khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh.

3.1.3. Điểm yếu

Diện tích đất so với số trẻ chưa đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Sân chơi tại cơ sở hai chưa đủ diện tích theo qui định.

3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì, đảm bảo môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Hiệu trưởng tham mưu với cấp trên cải

tạo, xây mới nhà trường để đảm bảo diện tích bình quân cho 01 trẻ theo quy định và diện tích xây dựng công trình, diện tích sân vườn đảm bảo theo yêu cầu.

3.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

2. Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

3.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 08 phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với 08/08 với số nhóm, lớp theo độ tuổi [H3-3-01-01].

Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất có diện tích 36m² chưa đúng quy định, không có phòng giáo dục nghệ thuật, được trang bị đầy đủ đồ dùng như: bóng, gậy thể dục, vòng, cổng chui, băng ghế thể dục. Phòng thoáng mát, đủ ánh sáng, trang thiết bị được bày trí gọn gàng, thuận tiện và kích thích sự hứng thú của trẻ khi tham gia hoạt động [H3-3-01-02]. Tuy nhiên phòng giáo dục thể chất của trẻ chưa đủ diện tích theo quy định.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Mỗi lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động, khu vực sân chơi tổ chức các hoạt động phát triển thể chất được trang bị các thiết bị, đồ dùng [H3-3-01-03];[H3-3-02-01].

Mức 2

Phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ được sử dụng chung, không có phòng giáo dục nghệ thuật theo quy định.

Tất cả các phòng ở nhóm, lớp và phòng chức năng đều được trang bị tủ, kệ, thùng đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3-02-01].

Mức 3

Trẻ được học ngoại ngữ ở lớp, không có phòng riêng. Nhà trường không tổ chức cho trẻ học tin học và âm nhạc [H3-3-02-02].

3.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng chức năng và các thiết bị, đồ dùng phù hợp tối thiểu với hoạt động phát triển thể chất của trẻ.

3.2.3. Điểm yếu

Phòng giáo dục thể chất của trẻ chưa đủ diện tích theo quy định, không có phòng hoạt động âm nhạc.

3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục bổ sung các trang thiết bị cho phòng giáo dục thể chất để nâng cao hơn chất lượng chăm sóc và giáo dục. Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên tận dụng sân trường để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất cho các vận động cơ bản cần không gian rộng; nhắc nhở giáo viên sắp xếp đồ dùng nhà vệ sinh cho hợp lý để đảm bảo diện tích cho trẻ sử dụng.

3.2.5. Tự đánh giá: Không đạt Mức 1.

3. Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định.*
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có phòng hành chính có diện tích 22,8m² Phó hiệu trưởng chăm sóc không có phòng riêng, làm việc chung trong phòng hành chính quản trị với nhân viên tài vụ chưa đảm bảo diện tích tối thiểu, Hiệu trưởng không có phòng riêng làm việc chung trong phòng y tế có diện tích 14m², Phó hiệu trưởng giáo dục không có phòng làm việc riêng, làm việc chung trong phòng y tế cơ sở 2 có diện tích 27,2m² [H3-

3-03-01]; tất cả các phòng đều có đầy đủ các phương tiện làm việc như: tủ, bàn ghế, máy vi tính, máy in được sắp xếp gọn, ngăn nắp.

Văn phòng trường, phòng cán bộ quản lý trang bị đầy đủ các bảng biểu, bàn ghế, máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ. Phòng y tế có đầy đủ các thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có cân điện tử, thước đo, tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe trẻ và phác đồ sơ cấp cứu, có các loại sổ sách theo dõi sức khỏe trẻ theo yêu cầu. Nhà vệ sinh có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Nhà trường không có phòng dành riêng cho bảo vệ chưa đảm bảo theo yêu cầu [H3-3-03-02].

Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có khu riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3-03-03].

Mức 2

Nhà trường có phòng hành chính có diện tích 22,8m² Phó hiệu trưởng chăm sóc không có phòng riêng, làm việc chung trong phòng hành chính quản trị với nhân viên tài vụ chưa đảm bảo diện tích tối thiểu, Hiệu trưởng không có phòng riêng làm việc chung trong phòng y tế có diện tích 14m². Phó hiệu trưởng giáo dục không có phòng làm việc riêng, làm việc chung trong phòng y tế cơ sở 2 có diện tích 25m² [H3-3-03-01]. Nhà trường không có phòng dành riêng cho bảo vệ chưa đảm bảo theo yêu cầu, có 03 phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên .

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có mái che, thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3-03-03].

Mức 3

Hiệu trưởng không có phòng riêng làm việc chung trong phòng y tế có diện tích 14m², Phó hiệu trưởng chăm sóc không có phòng riêng, làm việc chung trong phòng hành chính quản trị với nhân viên tài vụ diện tích 22,8m². Phó hiệu trưởng giáo dục không có phòng làm việc riêng, làm việc chung trong phòng y tế cơ sở 2 có diện tích 27,2m² [H3-3-03-01]. Nhà trường không có phòng dành riêng cho bảo

vệ chưa đảm bảo theo yêu cầu, có 03 phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên

3.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường có trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng theo quy định cho các phòng.

3.3.3. Điểm yếu

Phòng hành chính có diện tích 22,8m² Phó hiệu trưởng chăm sóc không có phòng riêng, làm việc chung trong phòng hành chính quản trị với nhân viên tài vụ chưa đảm bảo diện tích tối thiểu, Hiệu trưởng không có phòng riêng làm việc chung trong phòng y tế có diện tích 14m². Phó hiệu trưởng giáo dục không có phòng làm việc riêng, làm việc chung trong phòng y tế cơ sở 2 có diện tích 27,2m². Nhà trường không có phòng dành riêng cho bảo vệ chưa đảm bảo theo yêu cầu, có 03 phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên .

3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục duy trì, sắp xếp, bố trí khối phòng hành chính hợp lý cho phù hợp với diện tích đang có; thường xuyên cải tạo thay mới các trang thiết bị và phương tiện làm việc để tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên khối hành chính hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hiệu trưởng tham mưu với cấp trên để có hướng cải tạo, xây mới nhà trường đạt chuẩn.

3.3.5. Tự đánh giá: Không đạt.

4. Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

3.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình vận hành một chiều từ khâu sống đến khâu chín. Đồ dùng được trang bị đầy đủ: tủ sấy chén, tủ hấp cơm, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, các loại dụng cụ nấu và các đồ dùng khác như: chén, muống tất cả đều được làm bằng inox [H3-3-04-01].

Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lưu nghiệm thức ăn và được cấp giấy chứng nhận bếp ăn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn [H3-3-04-02].

Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: tủ lạnh, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H3-3-04-02]; [H3-3-04-01].

Mức 2

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 53m²/150 trẻ bình quân 0,35m²/trẻ. Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3-01-01]. Nhà bếp được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm. Có đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định [H3-3-04-03].

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng. Bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng chất liệu inox dễ cọ rửa. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục

vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Dụng cụ đựng thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh và không gây yếu tố độc hại. Có dụng cụ để bảo quản thực phẩm. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà bông sát khuẩn. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn dư; dụng cụ đựng rác được trang bị bằng chất liệu sắt, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh. Tuy nhiên đồ dùng nhà bếp cũ chưa có kinh phí bổ sung [H3-3-04-05].

3.4.2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, thức ăn lưu của các bữa ăn được sắp xếp trong tủ lạnh và có ký hiệu riêng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.4.3. Điểm yếu

Đồ dùng nhà bếp cũ chưa có kinh phí bổ sung.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019-2020, nhà trường tiếp tục thực hiện quy trình bếp một chiều, thực hiện lưu mẫu thức ăn theo đúng quy định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phó hiệu trưởng tham mưu với hiệu trưởng trang bị bổ sung một số đồ dùng nhà bếp theo kinh phí hiện có.

3.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

5. Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3.5.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định, có kệ các góc chơi, quạt trần, bàn ghế và sử dụng có hiệu quả trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Tất cả các trang thiết bị, đồ dùng đều được quản lý thông qua sổ tài sản lớp [H1-1-04-06].

Nhà trường có trang bị các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho các lớp. Ngoài các đồ dùng, đồ chơi được trang bị, cô và trẻ còn cùng tạo ra các đồ chơi phong phú, đa dạng bằng các nguyên vật liệu mở để phục vụ cho quá trình tổ chức hoạt động học và vui chơi. Tất cả các đồ chơi tự tạo đều mang tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Tuy nhiên, đồ chơi tự tạo của giáo viên chưa có độ bền và sử dụng cho nhiều hoạt động [H3-3-05-01].

Định kỳ hằng năm, trên cơ sở biên bản kiểm kê tài sản của các lớp, các bộ phận, nhà trường có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung nâng cấp các thiết bị đồ dùng, đồ chơi [H1-1-04-06].

Mức 2

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý [H3-3-05-03].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi -thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non: Bàn, ghế của trẻ đúng quy cách và đủ cho số trẻ trong lớp. Có tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. Có đầy đủ hệ thống đèn, quạt cho các lớp[H3-3-05-02].

Hàng năm, nhà trường có bổ sung thêm các thiết bị dạy học ngoài danh mục tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 [H1-1-04-06]. Các thiết bị dạy học do giáo viên tự làm phù hợp với từng lứa tuổi và mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non. Tuy nhiên, đồ chơi ở các góc của giáo viên tự làm chưa đa dạng và chưa có độ bền cao.

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3-05-01].

3.5.2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho các lớp theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 sử dụng có hiệu quả trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

3.5.3. Điểm yếu

Đồ dùng đồ chơi các lớp cũng còn thiếu, đồ chơi giáo viên tự tạo còn hạn chế chưa sử dụng được lâu, chưa phong phú về cách chơi.

3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục có kế hoạch bổ sung, thay mới một số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp đáp ứng theo danh mục quy định. Cán bộ quản lý cung cấp cho giáo viên một số đồ dùng để làm đồ chơi cho trẻ đảm bảo được độ bền và sử dụng được nhiều hoạt động khác nhau.

3.5.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

6. Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3.6.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Phòng vệ sinh cho trẻ ở hai lớp chòi sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 01), 02 nhóm nhà trẻ sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 02), khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên khô ráo, thoáng mát đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận lợi cho việc sử dụng [H3-3-04-01].

Hệ thống thoát nước, cống rãnh luôn thông thoáng đảm bảo vệ sinh môi trường; nguồn nước uống, nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ đảm bảo đủ, an toàn khi sử dụng [H3-3-06-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác; các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng [H1-1-04-06]. Được đơn vị Vệ sinh môi trường thu gom rác hằng ngày đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3-06-02].

Mức 2

Phòng vệ sinh cho trẻ ở hai lớp chồi sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 01), 02 nhóm nhà trẻ sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 02), phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Nhà trường có 06 nhà vệ sinh phục vụ cho trẻ với tổng diện tích 45,5m², bình quân 0,3m²/trẻ chưa đảm bảo theo quy định, có 03 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí phù hợp, đảm bảo yêu cầu và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3-03-02].

Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H3-3-06-01].

3.6.2. Điểm mạnh

Khu vực vệ sinh cho trẻ có đầy đủ các thiết bị đồ dùng. Có hệ thống nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác hằng ngày không gây ô nhiễm môi trường, nhà trường đã được thay mới toàn bộ la phong, sơn nước, ốp gạch nhà vệ sinh, thay mới bồn cầu và bồn rửa tay cho trẻ tại nhà vệ sinh các lớp ở 2 cơ sở

3.6.3. Điểm yếu

Phòng vệ sinh cho trẻ chưa đảm bảo theo quy định, 02 lớp chồi sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 01), 02 nhóm nhà trẻ sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 02).

3.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, nhà trường tham mưu với Phòng giáo dục để bảo đảm cho trẻ có phòng vệ sinh trong các lớp theo quy định.

3.6.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có sân chơi ở cơ sở một có cây xanh, có đồ chơi ngoài trời. Các phòng sinh hoạt chung có đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, nhà trường đã được Phòng Tài chính duyệt thay mới toàn bộ la phong, sơn nước, ốp gạch nhà vệ sinh, thay mới bồn cầu và bồn rửa tay cho trẻ tại nhà vệ sinh các lớp ở 2 cơ sở

Điểm yếu cơ bản:

Phòng vệ sinh cho trẻ chưa đảm bảo theo quy định, 02 lớp chòi sử dụng 01 nhà vệ sinh (cơ sở 01), 02 nhóm nhà trẻ sử dụng 01 nhà vệ sinh.

Phòng hành chính có diện tích 22,8m² chung với phòng làm việc với Phó hiệu trưởng và chưa đúng theo quy định.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 03/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Hoạt động chăm sóc, giáo dục của nhà trường sẽ đạt được hiệu quả cao nếu các mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được phối hợp tốt. Chính vì lẽ đó, nhà trường luôn quan tâm đến sự phối hợp của cha mẹ học sinh; tranh thủ sự chỉ đạo, hỗ trợ của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; tạo mối quan hệ gắn bó với các ban ngành, đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để góp sức cho nhà trường hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học.

1. Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Ngay từ đầu năm học, các lớp tiến hành họp cha mẹ học sinh và đã bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh ở mỗi lớp. Sau đó, nhà trường tổ chức Đại hội cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường [H4-4-01-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4-01-01]. Tuy nhiên, nhiều phụ huynh chưa tham gia đóng góp ý kiến và xây dựng cho nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

Giáo viên các nhóm, lớp thường xuyên thông tin đến cha mẹ học sinh về tình hình dinh dưỡng, sức khỏe và các hoạt động trong ngày của trẻ thông qua trao đổi trực tiếp trong giờ đón và trả trẻ, qua sổ bé ngoan, sổ liên lạc, qua điện thoại nhằm tạo sự thống nhất giữa gia đình và nhà trường trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-4-01-02].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường có các biện pháp hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh của trường [H4-4-01-02].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Phối hợp với giáo viên trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, khuyến khích trẻ đi học đầy đủ, đúng giờ [H4-4-01-02].

4.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường và hoạt động theo đúng quy định. Thực hiện tốt việc phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

4.1.3. Điểm yếu

Phụ huynh chưa tham gia đóng góp ý kiến và xây dựng cho nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả các biện pháp tổ chức hoạt động tuyên truyền thu hút tối đa sự hợp tác, ủng hộ của cha mẹ học sinh góp phần cùng nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Vận động phụ huynh tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng nhà trường.

4.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

2. Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để được sự chỉ đạo, quan tâm của cấp trên nhằm đem lại hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ qua các buổi sinh hoạt thường kỳ với Đảng ủy phường. Thực hiện tốt phổ cập mầm non cho trẻ năm tuổi [H1-1-01-02]; [H4-4-02-01].

Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua các cuộc họp của cha mẹ học sinh của lớp, bảng tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh ở giờ đón, trả trẻ [H4-4-01-01]; [H4-4-02-02]. Tuy nhiên, giáo viên tuyên truyền chưa đi sâu vào nội dung cần tuyên truyền.

Nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương như: Ủy ban nhân dân quận, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hội khuyến học, Hội đồng giáo dục phường 21 và cha mẹ học sinh nhằm huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại [H4-4-01-01].

Mức 2

Nhà trường tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1-01-02].

Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Bé đến trường, Trung Thu, Ngày nhà giáo Việt Nam, Noel, Mừng xuân, Tổng kết năm học [H4-4-02-03].

Mức 3

Trong từng năm học, nhà trường phối hợp tốt với các các ban, ngành đoàn thể và chính quyền địa phương để xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp. Phối hợp với Trạm y tế phường 21 và Trung tâm y tế dự phòng để chăm sóc sức khỏe cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường, thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và đảm bảo an toàn cho trẻ; Phối hợp Công an Phường 21 trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong trường học. Liên tục nhiều năm liên đạt danh hiệu “Đơn vị có đời sống văn hóa tốt” [H4-4-02-04].

4.2.2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu, phối hợp có hiệu quả với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

4.2.3. Điểm yếu

Giáo viên tuyên truyền chưa đi sâu vào nội dung cần tuyên truyền.

4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021, nhà trường tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể tại địa phương; tăng cường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận trong việc bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất cho nhà trường; tiếp tục huy động nguồn lực từ các tổ chức, tập thể, cá nhân đặc biệt là Ban

đại diện cha mẹ học sinh nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức tại địa phương và cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Phụ huynh chưa tham gia đóng góp ý kiến và xây dựng cho nhà trường trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Chăm sóc, giáo dục trẻ tốt giúp trẻ phát triển toàn diện là điều vô cùng quan trọng và là mục tiêu giáo dục mầm non. Để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của nhà trường, thì một trong các tiêu chí làm cơ sở đánh giá đó là kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ; điều đó được thể hiện qua việc trẻ có sự phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của trường Mầm non 21 trong những năm qua nhằm hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách và chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp 1.

1. Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng.

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5.1.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch theo Thông tư 17 và 28 của Bộ Giáo dục, giáo viên lập kế hoạch theo chương trình Mindjet Mindmanager phù hợp từng độ tuổi và khả năng của trẻ [H5-5-01-01].

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, với điều kiện thực tế nhà trường thông

qua các tiết thao giảng chuyên đề trọng tâm của từng năm học, tiết dự giờ hằng tháng [H1-1-07-02], các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ [H1-1-04-05].

Cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, qua các tiết dự giờ đột xuất và báo trước để đánh giá rút kinh nghiệm nhằm giúp giáo viên điều chỉnh kịp thời trong việc thực hiện [H1-1.6-04]; [H1-1.7-06]. Hằng tháng, qua các buổi họp chuyên môn, đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên, nhân viên nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ [H5-5-01-02].

Mức 2

16/16 tỷ lệ 100% giáo viên có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo kế hoạch giáo dục, đảm bảo chất lượng [H5-5-01-03].

Nhà trường có bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên biết lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục nhằm phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H5-5-01-04].

Mức 3

Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở học tập của các nước trong khu vực đúng quy định, áp dụng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương. Tuy nhiên, cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới.

Hằng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó có biện pháp để điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua báo cáo hằng tháng và triển khai trong các buổi họp [H1-1.-08-02].

5.1.2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá theo định kỳ và có biện pháp điều chỉnh kịp

thời phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và địa phương nhằm giúp giáo viên, nhân viên thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả.

5.1.3. Điểm yếu

Cán bộ quản lý chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trên thế giới.

5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non và tham gia các buổi bồi dưỡng chuyên môn về chương trình giáo dục của các nước trên thế giới do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh tổ chức. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục hướng dẫn, gợi ý giáo viên biết lựa chọn nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động nhận thức nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

5.1.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2.

2. Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

5.2.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp trong việc tổ chức các hoạt động trong ngày của trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, nhu cầu và khả năng trẻ. Trẻ tham gia hoạt động hứng thú, tích cực, phát triển kiến thức, kỹ năng, vốn từ, được tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H5-5-02-01].

Giáo viên bố trí các khu vực chơi đảm bảo an toàn, có các trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi phù hợp, thuận tiện cho việc sử dụng của cô và trẻ. Trang trí lớp học phù hợp với kiến thức, kỹ năng, chủ đề của từng lứa tuổi. Có tận dụng sản phẩm của trẻ trong việc xây dựng môi trường và trẻ được luyện tập. Tổ chức môi trường giáo dục trong sân trường và lớp học theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm [H5-5-02-01]. Tuy nhiên, giáo viên chưa thay đổi kịp thời môi trường lớp theo chủ đề, các bài tập ở góc chơi chưa phong phú, đa dạng và mang tính phát triển phù hợp với khả năng của từng trẻ.

Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: tổ chức các chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ theo kế hoạch giáo dục. Tổ chức các hoạt động lễ hội: Bé đến trường, Bé vui Trung thu, Bé chúc mừng cô 20/11, Bé vui Noel, Bé đón Xuân, Bé mừng mẹ và cô ngày 8 tháng 3, Lễ tổng kết năm học và lễ ra trường các bé 5 tuổi [H5-5-02-02]. Nhà trường chưa tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại.

Mức 2

Thông qua các hoạt động trong ngày, 17/17 tỷ lệ 100% giáo viên tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú và điều kiện thực tế của nhà trường [H5-5-01-01]; [H5-5-01-04].

Mức 3

12/16 tỷ lệ 75% giáo viên tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tuy nhiên, 04/16 tỷ lệ 25% giáo viên chưa xây dựng môi trường kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5.2.2. Điểm mạnh

100% giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

5.2.3. Điểm yếu

04/16 tỷ lệ 25% giáo viên chưa xây dựng môi trường nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục nhắc nhở giáo viên kịp thời xây dựng môi trường nhằm kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm.

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2, 3.

3. Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ.

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

5.3.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Hàng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 21 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vacxin và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế[H5-5-03-01].

Nhà trường có 150/150 tỷ lệ 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5-03-02].

Vào đầu năm học, nhà trường thực hiện đánh giá và phân loại sức khỏe học sinh để xác định số lượng trẻ suy dinh dưỡng, dư cân, béo phì. Trường có kế hoạch

và biện pháp hợp lý để chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ dư cân, béo phì. Trẻ suy dinh dưỡng được ăn phôi mai mỗi ngày/tuần. Trẻ dư cân, béo phì tăng cường vận động, tăng cường lượng rau củ trong bữa ăn với biện pháp này đã giúp trẻ dư cân, béo phì hạn chế tăng cân mà vẫn đảm bảo sức khỏe. Kết quả: Trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân giảm so với đầu năm là 01/03 tỷ lệ 33%; suy dinh dưỡng chiều cao 02/03 giảm 1 tỷ lệ 33,3%, trẻ dư cân, béo phì đã chuyển sang bình thường 20/20 không giảm [H5-5-03-02].

Mức 2:

Nhà trường có tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ thông qua buổi họp cha mẹ học sinh [H5-5-03-03].

Nhà trường có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định[H3-3-04-02]..

Tính đến thời điểm tháng 08 năm 2020, nhà trường có 3/145 tỷ lệ 2,06% trẻ suy dinh dưỡng và 20/145 tỷ lệ 17,8% trẻ thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tuy nhiên, tình trạng dinh dưỡng của trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện so với đầu năm học [H5-5-03-02].

Mức 3

Nhà trường có 122/145 tỷ lệ 84,1% trẻ khỏe mạnh, có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường [H5-5-03-02].

5.3.2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ được theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Có xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

5.3.3. Điểm yếu

Trẻ thừa cân, béo phì chưa được cải thiện so với đầu năm học.

5.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2020-2021, cán bộ quản lý phối hợp với cơ sở y tế địa phương để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ. Thực hiện tốt việc theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Xây dựng thực đơn, khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có các biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng tăng cường lượng vận động và phối hợp với cha mẹ học sinh trong việc cải thiện chế độ dinh dưỡng cho trẻ thừa cân, béo phì.

5.3.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 2

4. Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%.

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

5.4.1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường phối hợp với Hội đồng giáo dục phường 21 thực hiện tốt việc tăng cường huy động trẻ lứa tuổi mầm non đến trường, nhất là trẻ 5 tuổi. Trong năm học 2019-2020, tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các độ tuổi từ 19-36 tháng đạt 87,5%; trẻ 3 tuổi, 4 tuổi đạt 94%; trẻ 5 tuổi đạt 95% [H5-5-04-01].

Trong các năm học qua nhà trường phối hợp tốt với gia đình huy động tốt trẻ 5 tuổi ra lớp, đảm bảo đạt tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non ở các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ [H5-5-04-02].

Trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H5-5-04-03].

Mức 2

Tỷ lệ chuyên cần đạt trẻ 5 tuổi đạt 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 94%. Tuy nhiên, tỷ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ và khối lá so với các khối khác trong nhà trường đạt chưa cao (87,5%) vì sức đề kháng của trẻ còn yếu nên đi học chưa đều [H1-1-05-02].

100/100 tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H4-4-02-01].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H5-5-04-03].

Mức 3

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H5-5-04-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H5-5-04-03].

5.4.2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi luôn đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non tỷ lệ 100%.

5.4.3. Điểm yếu

Tỷ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ và khối lá so với các khối khác trong nhà trường đạt chưa cao (87,5%).

5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%. Giáo viên khối nhà trẻ thường xuyên phối hợp cùng cha mẹ chăm sóc sức khỏe cho trẻ tốt và động viên trẻ đi học đầy đủ.

5.4.5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1, 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Mầm non 21 nhiều năm liền đã có sự chủ động, sáng tạo trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ nên chất lượng luôn đạt hiệu quả cao: Trẻ phát triển tốt về cân nặng và chiều cao, mạnh dạn tự tin trong giao tiếp, lễ phép với người lớn. Thực hiện tốt công tác Phổ cập Giáo dục mầm non đối với trẻ 5 tuổi. Trẻ phát triển ngôn ngữ, nhận thức, thể chất, thể hiện cảm xúc đạt theo yêu cầu độ tuổi. Trẻ có nề nếp, thói quen, kỹ năng tốt trong các hoạt động học tập, vui chơi, lao động, vệ sinh.

Điểm yếu cơ bản:

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì cải thiện chưa đạt hiệu quả. Tỷ lệ chuyên cần của khối nhà trẻ và khối lá so với các khối khác trong nhà trường đạt chưa cao (87,5 %).

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

II. KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non 21 quận Bình Thạnh luôn khẳng định mình bằng chất lượng chuyên môn, đội ngũ sư phạm trẻ, năng động, sáng tạo, tập thể luôn phấn đấu xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

Công tác tự đánh giá không chỉ giúp nhà trường có cái nhìn tổng quát về thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục mà còn giúp nhà trường hiểu rõ mức độ yêu cầu cần đạt được của từng chỉ số, từng tiêu chí cụ thể. Việc xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu giúp nhà trường có kế hoạch cải tiến chất lượng thích hợp hơn nhằm đạt mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường..

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

+ Mức 1:

* Các tiêu chí đạt: 20/25, tỷ lệ: 80%.

* Các tiêu chí không đạt: 05/25, tỷ lệ: 20%.

+ Mức 2:

* Các tiêu chí đạt: 16/25, tỷ lệ: 64%.

* Các tiêu chí không đạt: 09/25, tỷ lệ: 36%.

+ Mức 3:

* Các tiêu chí đạt: 07/19, tỷ lệ: 36,8%.

* Các tiêu chí không đạt: 12/19, tỷ lệ: 63,2%.

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 1.

- Căn cứ theo Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non 21 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Phụ lục 4

Bảng danh mục mã minh chứng

Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
01	[H1-1-01-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng phát triển giáo dục giai đoạn 2019-2025	Số 124/KH-MN21 ngày 20/10/2020	Trường Mầm non 21	Phòng Hiệu trưởng
02	[H1-1-01-02]	Hồ sơ chi bộ		Đảng ủy phường 21	Phòng Hiệu trưởng
03	[H1-1-01-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	Năm học 2017 - 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
04	[H1-1-02-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Nhiệm kỳ 2018-2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng Hiệu trưởng
05	[H1-1-02-02]	Kế hoạch năm, tháng	Năm học 2017 -2018 đến 2020-2021	Trường mầm non 21	Phòng Hiệu trưởng
05	[H1-1-02-03]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm.	Năm học 2016 -2017 đến 2020-2021	Trường Mầm non 21	Phòng Hiệu trưởng
06	[H1-1-03-01]	Hồ sơ chi bộ	Năm học 2015 - 2021	Đảng ủy phường 21	Phòng Hiệu trưởng

		Giấy khen chi bộ trong sạch vững mạnh			
07	[H1-1-03-02]	Hồ sơ công đoàn	Năm học 2017 -2018 đến 2020-2021		Công đoàn
08	[H1-1-03-03]	Hồ sơ chi đoàn	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Chi đoàn
09	[H1-1-04-01]	Hồ sơ cá nhân Hiệu trưởng	Quyết định bổ nhiệm HT Số 2200 ngày 03 tháng 4 năm 2017	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng Hiệu trưởng
10	[H1-1-04-02]	Hồ sơ cá nhân Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Quyết định bổ nhiệm Pht Số 2199 ngày 03 tháng 4 năm 2017	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng Hiệu trưởng
11	[H1-1-04-03]	Hồ sơ cá nhân Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Quyết định bổ nhiệm Pht số 1527 ngày 29 tháng 3 năm 2016	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng Hiệu trưởng
12	[H1-1-04-04]	Hồ sơ quản lý nhân sự	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
13	[H1-1-04-05]	Hồ sơ tổ chuyên môn, văn phòng	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng

14	[H1-1-04-06]	Sổ tài sản trường, lớp - Biên bản kiểm tra tài sản	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trường mầm non 21	Phòng Phó hiệu trưởng
15	[H1-1-04-07]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
16	[H1-1-04-08]	Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
17	[H1-1-04-09]	Sổ lưu trữ công văn đi, đến	Năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020	Văn thư	Phòng Hiệu trưởng
18	[H1-1-04-10]	Kế hoạch thực hiện chuyên đề. Biên bản góp ý của phòng về thực hiện chuyên đề.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Hiệu trưởng
19	[H1-1-05-01]	Danh bạ học sinh	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
20	[H1-1-05-02]	Sổ điểm danh	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phòng Hiệu trưởng
21	[H1-1-06-01]	Hồ sơ lưu trữ công văn	Năm 2016-2021	Kế toán	Phòng Hiệu trưởng

22	[H1-1-06-02]	Hồ sơ kế toán	Năm học 2016 đến 2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
23	[H1-1-06-03]	Qui chế chi tiêu nội bộ	Năm học 2017 – 2018 Đến 2019 - 2020	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
24	[H1-1-06-04]	Các phần mềm	Năm 2021		Văn phòng
25	[H1-1-06-05]	Biên bản thẩm định kiểm tra tài chính	Năm 2016 -2020	Phòng tài chính	Kế toán
26	[H1-1-07-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	Giai đoạn 2015 -2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
27	[H1-1-07-02]	Kế hoạch thực hiện bồi dưỡng thường xuyên	Năm học 2014-2015 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Hiệu trưởng
28	[H1-1-07-03]	Tập bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Giáo viên	Giáo viên
29	[H1-1-07-04]	Hợp đồng lao động, khám sức khỏe cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trưởng Mầm non 21	Phòng Phó hiệu trưởng

30	[H1-1-07-05]	Danh sách khen thưởng cá nhân đạt lao động tiên tiến	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Kế toán
31	[H1-1-07-06]	Hợp đồng tham quan du lịch.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Phòng Hiệu trưởng
32	[H1-1-07-07]	Phiếu dự giờ hoạt động dạy.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trường Mầm non 21	Phòng Phó hiệu trưởng
33	[H1-1-07-08]	Phiếu dự giờ hoạt động nuôi.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trường Mầm non 21	Phòng Phó hiệu trưởng
34	[H1-1-08-01]	Kế hoạch giáo viên	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trường mầm non 21	Giáo viên
35	[H1-1-08-02]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trường mầm non 21	Phòng Hiệu trưởng
36	[H1-1-09-01]	Quy chế dân chủ	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
37	[H1-1-09-01]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2018-2019 đến năm 2020-2021	Hiệu trưởng	Cán bộ tiếp công dân.
38	[H1-1-10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự.	Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng

			đến 2020-2021		
39	[H1-1-10-02]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
40	[H1-1-10-03]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Phòng chống dịch bệnh.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
41	[H1-1-10-04]	Phương án phòng chống cháy nổ, biên bản, hình ảnh tập huấn	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
42	[H1-1-10-05]	Phương án phòng chống thảm họa thiên tai	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
43	[H2-2-01-01]	Hồ sơ đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Năm học 2016-2017 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
44	[H2-2-01-02]	Sổ hội họp của Phó hiệu trưởng.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng

45	[H2-2-01-03]	Kết quả học chính trị	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	Phòng Hiệu trưởng
46	[H2-2-02-01]	Danh sách giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghề nghiệp	Năm học 2017 -2018, 2020-2021	Trường mầm non 21	Phòng Hiệu trưởng
47	[H2-2-03-01]	Sổ trực bảo vệ	Năm học 2018- 2019 2020-2021	Bảo vệ	Phòng Hiệu trưởng
48	[H3-3-01-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Năm học 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
49	[H3-3-01-02]	Hình ảnh khuôn viên trường lớp, phòng âm nhạc, biển tên trường, vườn cây của trẻ, đồ chơi ngoài trời	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Hiệu trưởng
50	[H3-3-01-03]	Hình ảnh sân chơi cơ sở 1, 2, 3.	Năm 2020-2021		Phòng Phó hiệu trưởng
51	[H3-3-02-01]	Hình ảnh trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi các lớp, phòng âm nhạc, sân thể dục	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phòng Phó hiệu trưởng

52	[H3-3-02-02]	Hợp đồng năng khiếu	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
53	[H3-3-03-01]	Hình ảnh phòng làm việc: văn phòng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính.	Năm học 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
54	[H3-3-03-02]	Hình ảnh nhà vệ sinh, phòng bảo vệ.	Năm học 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
55	[H3-3-03-02]	Hình ảnh nhà xe	Năm học 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
56	[H3-3-04-01]	Hình ảnh nhà bếp	Năm học 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
57	[H3-3-04-02]	Sổ 3 bước: sổ lưu mẫu sổ chợ, sổ tiếp phẩm...	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
58	[H3-3-04-03]	Phiếu xét nghiệm nước	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
59	[H3-3-04-04]	Lịch vệ sinh nhóm, lớp	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Các lớp

60	[H3-3-05-01]	Hình ảnh đồ dùng, đồ chơi tự làm.	Năm học 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Văn phòng
61	[H3-3-05-02]	Hình ảnh đồ dùng đồ chơi tối thiểu(bàn, ghế, kệ..)	Năm học 2020-2021		Phòng Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
62	[H3-3-05-03]	Hóa đơn tiền Internet.	Năm học 2020-2021		Phòng kế toán
63	[H3-3-06-01]	Hóa đơn thanh toán tiền nước	Năm 2020-2021	Kế toán	Phòng kế toán
64	[H3-3-06-02]	Hợp đồng thu gom rác.	Năm 2018 -2019 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng
65	[H4-4-01-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
66	[H4-4-01-02]	Biên bản họp cha mẹ học sinh.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
67	[H4-4-02-01]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
68	[H4-4-02-02]	Sổ liên lạc, sổ bé ngoan	Năm học 2020-2021	Giáo viên	Lớp
69	[H4-4-02-03]	Hình ảnh lễ hội	Năm học 2020-2021		Phòng phó hiệu trưởng

70	[H4-4-02-04]	Hồ sơ văn hóa	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Phòng Hiệu trưởng
71	[H5-5-01-01]	Kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp	Năm học 2020-2021	Giáo viên	Lớp
72	[H5-5-01-02]	Kế hoạch, biên bản họp rút kinh nghiệm của Phó hiệu trưởng.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng	Phòng phó hiệu trưởng
73	[H5-5-01-03]	Biên bản họp tổ, báo cáo kiểm tra nội bộ.	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
74	[H5-5-01-04]	Phiếu dự giờ	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Giáo viên	Giáo viên
75	[H5-5-02-01]	Hình ảnh môi trường (trong và ngoài lớp)	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021	Giáo viên	Giáo viên
76	[H5-5-02-02]	Hình ảnh lễ hội, lễ tổng kết	Năm 2020-2021	Giáo viên	Giáo viên
77	[H5-5-03-01]	Hồ sơ khám sức khỏe trẻ	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

78	[H5-5-03-02]	Sổ lưu cân, hồ sơ theo dõi sức khỏe trẻ-biểu đồ tăng trưởng	Năm học 2017-2018 đến 2020-2021		Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
79	[H5-5-03-03]	Hình ảnh bác sĩ tư vấn cho cha mẹ trẻ về sức khỏe trẻ	Năm học 2018 -2019 đến 2020-2021		Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
80	[H5-5-04-01]	Tỉ lệ chuyên cần các lớp	Năm học 2018 -2019 đến 2020-2021		Giáo viên
81	[H5-5-04-02]	Đánh giá trẻ theo bộ Chuẩn trẻ 5 tuổi	Năm học 2018-2019 đến 2020-2021	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Giáo viên 5 tuổi
82	H5-5-04-03]	Hồ sơ khuyết tật	Năm 2018 -2019		Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng